

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2018.

“V/v ly hôn giữa chị L và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị L - Sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã X, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Xóm 10, Xã A, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T - Sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã X, huyện V, tỉnh Nam Định.

Hiện đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội số III - Hà Nội; địa chỉ: Xã T.M, huyện S, thành phố Hà Nội.

(Chị L và anh T vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07-02-2017, đơn xin ly hôn ngày 07-02-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh Trần Văn T đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 07-5-2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Nam Định và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn chị và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ, con mà chỉ mãi mê chơi bời dẫn đến bị mắc nghiện ma túy nên vợ chồng thường hay xảy ra cãi, chửi nhau, vợ chồng chung

sống với nhau không còn tình cảm và không được hạnh phúc. Do mắc nghiện ma túy nên năm 2011, anh T đã bị Công an thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 02 năm tù và bị bắt đi chấp hành án phạt tù tại trại giam của Bộ Công an đặt tại tỉnh Thanh Hóa. Đến cuối năm 2013 anh T được ra trại và vợ chồng đoàn tụ với nhau, nhưng do anh T vẫn không từ bỏ được ma túy nên khi đoàn tụ thì tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Khoảng tháng 6 năm 2014, anh T đã bỏ chị và con đi vào trong Thành phố Hồ Chí Minh cho đến đầu năm 2016 thì anh T về quê. Anh T ở quê được một thời gian ngắn thì lại bỏ nhà đi lang thang. Ngày 22-7-2016 anh T lại bị Công an phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội bắt về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và bị bắt đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội số III – Hà Nội. Chị và anh T đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau từ khi anh T bị bắt cho đến nay. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh T đã kéo dài và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và chị cũng không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì đối với anh T chính vì vậy từ khi anh T bị bắt cho đến nay chị cũng không đến thăm nom anh T lần nào nên chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Trần Khánh E, sinh ngày 24-01-2011, chị là người trực tiếp nuôi cháu E từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu E và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty cổ phần đường sắt Nghệ Tĩnh, có thu nhập ổn định, bình quân từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ/tháng và có nhà ở ổn định tại xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An nên chị có đủ các điều kiện cả về vật chất lẫn tinh thần để trực tiếp nuôi cháu E được tốt nhất.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị xác định chị và anh T không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 29-3-2018 và đơn đề nghị ngày 29-3-2018, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L đã tự nguyện kết hôn với nhau vào tháng 5 năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Nam Định và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn thời gian đầu anh và chị L sinh sống ở trong Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chơi bời dẫn đến bị mắc nghiện ma túy. Năm 2011 anh bị Công an thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 02 năm tù và phải chấp hành án tại trại giam ở tỉnh Thanh Hóa. Đến cuối năm 2013 anh được ra trại thì vợ chồng sinh sống tại quê của chị L. Đến khoảng giữa năm 2014 anh bỏ vào trong Thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, sinh sống, chị L và con thì vẫn ở quê của chị L. Anh làm ăn, sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh được đến cuối năm 2016 thì anh quay ra bắc và

đến ngày 22-7-2016 anh sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Công an phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội bắt đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội số III – Hà Nội. Anh và chị L đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau từ khi anh bị bắt cho đến nay. Từ khi anh bị bắt đến nay chị L không đến thăm nom anh lần nào. Nay chị L xin ly hôn với anh, anh xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau được nên anh nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Khánh E; sinh ngày 24-01-2011 và hiện cháu E đang trực tiếp ở với chị L. Ly hôn chị L có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu E và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con thì anh nhất trí. Anh đề nghị Tòa án giao cháu E cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Anh xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Vì lý do anh đang phải cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội số III – Hà Nội nên anh không thể về Tòa án nhân dân huyện V để tham gia tố tụng giải quyết vụ án được. Vì vậy anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án. Anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của anh.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị L.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Cao Thị L và anh Trần Văn T.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Khánh E; sinh ngày 24-01-2011 cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu E thành niên, có khả năng lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L.

+ Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị L và anh T đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí ly hôn: Buộc chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy anh Trần Văn T là bị đơn trong vụ án hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội số III - Hà Nội; địa chỉ ở xã T.M, huyện S, thành phố Hà Nội, nhưng hiện anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện V, tỉnh Nam Định và trong thời hạn chuẩn bị xét xử anh T đã có lời khai nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết vụ án dân sự chị L xin ly hôn với anh tại Tòa án nhân dân huyện V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện V giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự chị L xin ly hôn với anh T là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng và đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh T là bị đơn trong vụ án vắng mặt, nhưng anh T đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của anh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của anh T.

[4]. Về quan hệ hôn nhân của chị L và anh T: Xét thấy chị L và anh T kết hôn với nhau vào ngày 07 tháng 5 năm 2010, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Nam Định. Như vậy hôn nhân của chị L và anh T đã thỏa mãn về điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật bảo vệ.

[5]. Về tình trạng hôn nhân của chị L và anh T: Sau kết hôn chị L và anh T đã có khoảng thời gian (hơn 01 năm) chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau, nhưng sau đó do anh T không chịu tu chí làm ăn mà chỉ mãi mê chơi bời dẫn đến bị mắc nghiện ma túy nên năm 2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và năm 2016 lại bị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, với thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Xuất phát từ việc anh T chơi bời và nghiện ma túy nên giữa chị L và anh T đã phát sinh mâu thuẫn và thường hay xảy ra cãi, chửi nhau, dẫn đến vợ chồng sống không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm và không được hạnh phúc chính vì thế mà từ khi anh T bị bắt đi cai nghiện ma túy cho đến nay thì chị L cũng không còn có tình nghĩa vợ chồng gì đối với anh T, chị L không đến thăm nom anh T lần nào. Chị L và anh T đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau từ khi anh T bị bắt cho đến nay. Xét thấy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của chị L và anh T đã trái với quy định tại các Điều 17, 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân của chị L và anh T đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy chị L xin ly hôn với anh T, phía anh T cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy,

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Xử lý hôn giữa chị L và anh T là phù hợp.

[6]. Về nuôi con chung: Xét thấy chị L và anh T có 01 con chung là cháu Trần Khánh E; sinh ngày 24-01-2011. Cháu E trực tiếp ở với chị L từ khi chị L và anh T sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn chị L có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu E và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, phía anh T cũng nhất trí. Xét thấy nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con của chị L là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và cháu E cũng có nguyện vọng được trực tiếp ở với chị L và chị L cũng có nghề nghiệp ổn định, thu nhập ổn định hơn so với anh T. Vì vậy chị L nuôi con thì sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con được tốt hơn so với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử giao cháu E cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L là phù hợp.

[7]. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị L và anh T đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên buộc chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 14 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Cao Thị L và anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Khánh E; sinh ngày 24-01-2011 cho chị Cao Thị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Khánh E thành niên, có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi chị Cao Thị L và anh Trần Văn T có yêu cầu khác. (Hiện cháu E đang trực tiếp ở với chị L).

Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị Cao Thị L.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Cao Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

BB/2012/09744 ngày 02-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V (Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

4. Quyền kháng cáo: Chị Cao Thị L và anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Văn Quân

